TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17/4/2018
V/v: Ly hôn giữa chị A
và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Toan
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Từ Minh Hải
2. Bà Nguyễn Thị Hoan

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- KSV.

Ngày 17/4/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLST- HNGĐ ngày 12/01/2018 về "Ly hôn, con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX- ST ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A sinh năm 1986 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn B sinh năm 1981 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn T, xã B1, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20/12/2017, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị A là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh B năm 2006. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến nhiều lúc vợ chồng xảy ra xô xát, không bảo

được nhau, việc của ai người đó làm. Chị và anh B đã sống ly thân và cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 08/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng được hạnh phúc với nhau chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Phạm Thị Vân A1 sinh ngày 30/9/2007, hiện đang ở với chị, cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn cháu A1 xin ở với chị, chị yêu cầu được tiếp nuôi, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là anh Phạm Văn B trình bày tại biên bản lấy lời khai: Anh kết hôn với chị A năm 2006 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống với nhau ngay và hòa thuận đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị A có quan hệ bất chính với một số người khác, anh có khuyên bảo nhiều lần nhưng chị A không nghe dẫn đến vợ chồng không bảo được nhau, việc của ai người đó làm, vợ chồng cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2016. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị A xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Phạm Thị Vân A1 sinh ngày 30/9/2007, nếu ly hôn nguyện vọng của cháu A1 xin ở với chị A, anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do công việc bận anh xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên toà đại diện VKS phát biểu ý kiến, thẩm phán, th□ký đ□ợc phân công giải quyết vụ án tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX xét xử vụ án và áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 21; Điều 28, Điều 147, Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn B.

Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Vân A1 sinh ngày 30/9/2007 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án nhưng anh B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn B kết hôn ngày 04/12/2006. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Mặc dù có 1 con chung nhưng tình cảm giữa chị A và anh B vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ năm 2015, giữa chị A và anh B luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, chị A và anh B chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 08/2016. Chị A xin được ly hôn anh B, anh B cũng nhất trí. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị A và anh B không còn nên cần giải quyết cho chị A được ly hôn anh B. Xét như vậy là phù hợp với Điều 51; 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ nuôi con chung:* Vợ chồng có 1 con chung Phạm Thị Vân A1 sinh ngày 30/9/2007, hiện đang ở với chị A, cháu phát triển bình thường. Nay ly hôn, cháu A1 nguyện vọng xin được ở với chị A và chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A1, anh B cũng nhất trí. Xét như vậy là phù hợp với Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cho chị A trực tiếp nuôi cháu A1. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom con, chị A không được cản trở anh B thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng cA1 tác:* Chị A, anh B đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 21; Điều 28, Điều 147, Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Văn B.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Vân A1 sinh ngày 30/9/2007 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền thăm nom con, chị A không được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2017/0002966 ngày 09/01/2018 tại chi cục thi hành án huyện L. Chị A đã nộp đủ.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh ;
- VKSND huyện L;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện;
- UBND xã B1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ . VP./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan